TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/KDTM-ST
Ngày 08 – 4 – 2024
(V/v tranh chấp HĐ tín dụng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Việt Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Dân

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Ngọc Mai – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Tiết Ánh Hồng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 50/2023/TLST-KDTM ngày 15/11/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-KDTM ngày 15/02/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần CT (gọi tắt: Ngân hàng); Địa chỉ: Số 108, đường THĐ, phường C, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Vĩnh Tuấn D, sinh năm 1975. Chức vụ: Cán bộ thu nợ - Phòng tổng hợp – Ngân hàng thương mại cổ phần CT – chi nhánh C (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn N (gọi tắt: Công ty)

Địa chỉ: Số 502, đường Q, khóm H, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Ngọc T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Xuân K, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 7A, đường B, khóm N, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh Huỳnh Vương V, sinh năm 1981 (có mặt).

2/ Chị Hoàng Thu V1, sinh năm 1983 (vắng mặt);

3/ Anh Huỳnh H, sinh năm 2003 (vắng mặt);

4/ Anh Huỳnh Hoàng T1, sinh năm 2009 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 134B, THĐ, khóm T, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

5/ Ông Hoàng Ngọc T, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 502, Quản lộ Phụng Hiệp, khóm 2, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp Huỳnh Hoàng T: Anh Huỳnh Vương V, sinh năm 1981 (có mặt) và chị Hoàng Thị V1, sinh năm 1983 (vắng mặt). Cùng địa chỉ: Số 134B, THĐ, khóm T, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:*** Từ tháng 8 năm 2022 đến tháng 9 năm 2023, Công ty trách nhiệm hữu hạn N có đến Ngân hàng thương mại cổ phần CT đề nghị vay vốn được Ngân hàng chấp thuận, theo đó Ngân hàng với Công ty có ký các hợp đồng gồm:

- Ngày 16/8/2022, Ngân hàng với Công ty ký kết hợp đồng cho vay hạn mức số 22.062.097/2022-HĐCVHM/NHCT860-CT TNHH N ngày 16/8/2022 và các văn bản sửa đổi bổ sung, theo đó hạn mức tín dụng Ngân hàng cho Công ty vay 6.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 16/8/2022 đến hết ngày 15/8/2023; Thời hạn cho vay 06 tháng/Giấy nhận nợ. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cọc bê tông cốt thép. Lãi suất vay trong hạn 9%/năm, lãi suất quá hạn 13.5%/năm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 04/4/2024, Công ty đã trả 164.363.586 đồng (trong đó nợ gốc 7.388.920 đồng, nợ lãi 156.974.936 đồng), Công ty còn nợ lại 6.454.943.450 đồng (trong đó nợ gốc 5.992.611.080 đồng, nợ lãi trong hạn 344.034.684 đồng, lãi quá hạn 118.297.686 đồng).

- Ngày 30/12/2022, Ngân hàng với Công ty ký kết hợp đồng cho vay nguyên tắc số 22.NHALT4.011/2022-HĐCVNT/NHCT860-CT TNHH N, theo đó Ngân hàng cam kết số tiền cho Công ty vay 8.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng bổ sung vốn thanh toán các chi phí hợp lý để thi công xây dựng công trình Gói thầu số 61: Thi công xây dựng công trình đoạn tuyến từ Km6+600 đến Km8+760 (Bao gồm cầu Kênh Chùa) thuộc Dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cà Mau – Đầm Dơi (đoạn từ đường Hải Thượng Lãn Ông đến cầu Xóm Ruộng (phần khối lượng thực hiện của Công ty TNHH N) theo Hợp đồng thi công số 309/2022/HĐ-XD ngày 07/9/2022 và phụ lục hợp đồng thi công số 320/2022/PL-HĐXD ngày 15/9/2022 được ký kết giữa Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông Cà Mau và liên danh Công ty TNHH N – Công ty TNHH MTV Xây Dựng L và Công ty TNHH Xây Dựng Ngô T. Số tiền cho vay, lãi suất và thời hạn cho vay được thể hiện tại 04 hợp đồng cho vay cụ thể:

+ Hợp đồng cho vay cụ thể số 22.NHALT4.010/2022-HĐCVCT/NHCT860-CT TNHH NGA THUY ngày 30/12/2022. Ngân hàng cho công ty vay 1.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất vay trong hạn 10%/năm, lãi suất quá hạn 15%/năm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 04/4/2024, Công ty đã trả 56.971.411 đồng (trong đó nợ gốc 0 đồng; nợ lãi 56.971.411 đồng), Công ty còn nợ lại 1.082.994.506 đồng (trong đó nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 68.234.068 đồng, lãi quá hạn 14.760.438 đồng).

+ Hợp đồng cho vay cụ thể số 22.NHALT4.012/2023-HĐCVCT/NHCT860-CT TNHH NGA THUY ngày 08/03/2023. Ngân hàng cam kết cho Công ty vay 4.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất vay trong hạn 10%/năm, lãi suất quá hạn 15%/năm. Số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty vay 3.880.083.235 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 04/4/2024, Công ty đã trả 148.014.133 đồng (trong đó nợ gốc 0 đồng, nợ lãi 148.014.133 đồng), Công ty còn nợ lại 4.171.718.491 đồng (trong đó nợ gốc 3.880.083.235 đồng, nợ lãi trong hạn 268.948.236 đồng, lãi quá hạn 22.687.020 đồng).

+ Hợp đồng cho vay cụ thể số 23.NHALT4.019/2023-HĐCVCT/NHCT860-CT TNHH NGA THUY ngày 12/04/2023. Ngân hàng cam kết cho Công ty vay 1.500.000.000 đồng. Thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất vay trong hạn 10%/năm, lãi suất quá hạn 15%/năm. Số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty vay 1.500.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 04/4/2024, Công ty đã trả 43.183.913 đồng (trong đó nợ gốc 0 đồng, nợ lãi 43.183.913 đồng), Công ty còn nợ lại Ngân hàng 1.607.105.251 đồng (trong đó nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 103.939.375 đồng, lãi quá hạn 3.165.876 đồng).

+ Hợp đồng cho vay cụ thể số 23.NHALT4.021/2023-HĐCVCT/NHCT860-CT TNHH NGA THUY ngày 12/05/2023. Ngân hàng cam kết cho Công ty vay 1.500.000.000 đồng. Thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất vay trong hạn 10%/năm, lãi suất quá hạn 15%/năm. Số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty vay 1.495.321.991 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 04/4/2024, Công ty đã trả 27.100.540 đồng (trong đó nợ gốc 0 đồng, nợ lãi 27.100.540 đồng), Công ty còn nợ lại 1.602.139.395 đồng (trong đó nợ gốc 1.495.321.991 đồng, nợ lãi trong hạn 103.648.347 đồng, lãi quá hạn 3.169.057 đồng).

- Để đảm bảo khoản vay, Ngân hàng với Công ty có ký kết các hợp đồng gồm:

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 08380525/HĐBĐ ngày 16/10/2008 và 01 phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản, tài sản thế chấp gồm:

Loại xe: Xe ô tô tải; Nhãn hiệu: JAC; Màu sơn: Trắng; Số khung: BBC161210011; Số máy: 102Q06062388; Biển kiểm soát: 69C-028.54; Chủ sở hữu: Cty TNHH N; CNĐK xe ô tô số 004768 do Phòng CSGT CA tỉnh Cà Mau cấp ngày 22/8/2016.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm nghĩa vụ của bên thứ ba số 10.011.048/HĐBĐ ngày 11/3/2010, tài sản thế chấp gồm:

Tài sản thế chấp là bất động sản nhà, đất gồm Quyền sử dụng đất (diện tích 138,3 m^2; đất ở) tại thửa đất số 53, TBĐ số 14 và nhà ở (diện tích sàn 116,48 m^2), địa chỉ: Trần Hưng Đạo, Phường 5, TP Cà Mau, Cà Mau (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP997352, số vào sổ cấp GCN H02865 UBND TP Cà Mau cấp ngày 09/11/2009).

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 10.011.142/HĐBĐ ngày 21/6/2010, tài sản thế chấp gồm:

Tên xe máy chuyên dùng: Xe cần cẩu bánh lốp; Nhãn hiệu: TADANO; Màu sơn: Vàng; Số khung: 6BB1-230134; Số máy: FD161B-11220; Biển kiểm soát: 69LA-0054; Chủ sở hữu: Cty TNHH N; Giấy CNĐK xe máy chuyên dùng số 00011/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau cấp ngày 07/5/2010.

Tên xe máy chuyên dùng: Xe cần cẩu bánh lốp; Nhãn hiệu: KATO NK70-3; Màu sơn: Vàng; Số khung: ED6-051006; Số máy: CM90C-35329; Biển kiểm soát: 69LA-0052; Chủ sở hữu: Cty TNHH N; Giấy CNĐK xe máy chuyên dùng số 00009/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau cấp ngày 07/5/2010.

Tên xe máy chuyên dùng: Máy đào bánh lốp; Nhãn hiệu: DAEWOO; Màu sơn: Vàng; Số khung: SOLAR120W-1211; Số máy: 6BB1-100092; Biển kiểm soát: 69LA-0053; Chủ sở hữu: Cty TNHH N; Giấy CNĐK xe máy chuyên dùng số 00010/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau cấp ngày 07/5/2010.

Tên xe máy chuyên dùng: Máy đào bánh xích; Nhãn hiệu: THI IS190-5; Màu sơn: Cam; Số khung: 1176185; Số máy: 6BD1-575187; Biển kiểm soát: 69XA-0220; Chủ sở hữu: Cty TNHH N; Giấy CNĐK xe máy chuyên dùng số 00048/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau cấp ngày 07/5/2010.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 11.011.191/HĐBĐ ngày 29/6/2011, tài sản thế chấp gồm:

Tên xe máy chuyên dùng: Cần trục bánh lốp; Nhãn hiệu: P&S T200; Màu sơn: Cam; Công suất: 227HP; Nước sản xuất: Nhật; Số khung: KW30M-01174; Số máy: PE6-013570; Biển kiểm soát: 69LA-0059; Chủ sở hữu: Cty TNHH N; Giấy CNĐK xe máy chuyên dùng số 16 do Sở GTVT cấp ngày 20/12/2010.

Loại xe: Tải ben; Nhãn hiệu: HYUNDAI; Màu sơn: Trắng; Số khung: 18CPBC050066; Số máy: D6ACA 196955; Biển kiểm soát: 69C-000.33; Chủ sở hữu: Cty TNHH N; CNĐK xe ô tô số 000044 do Phòng CSGT CA tỉnh Cà Mau cấp ngày 23/3/2011.

Loại xe: Tải gắn cầu; Nhãn hiệu: HINO; Màu sơn: Trắng; Số khung: 8JTS9XX12883; Số máy: J08E-UF12523; Biển kiểm soát: 69L-7227; Chủ sở hữu: Cty TNHH N. Giấy ĐK xe ô tô số 0006633 do Phòng CSGT CA tỉnh Cà Mau cấp ngày 27/11/2010

+ Hợp đồng thế chấp động sản số 15.079.032/HĐBĐ ngày 15/4/2015, tài sản thế chấp gồm:

Tên xe máy chuyên dùng: Máy đào bánh xích; Nhãn hiệu: HITACHI UH07-5; Màu sơn: Vàng; Công suất: 104HP; Nước sản xuất: Nhật; Số khung: 164-17060;

Số máy: EL100-19959; Biển kiểm soát: 69XA-0272; Chủ sở hữu: Cty TNHH N; Giấy CNĐK xe máy chuyên dùng số 102 do Sở GTVT cấp ngày 20/12/2010.

Tên xe máy chuyên dùng: Máy ủi bánh xích; Nhãn hiệu: KOMATSU D20P-6; Màu sơn: Vàng; Công suất: 40HP; Nước sản xuất: Nhật; Số khung: D206-70897; Số máy: W-109685; Biển kiểm soát: 69XA-0273; Chủ sở hữu: Cty TNHH N; Giấy CNĐK xe máy chuyên dùng số 103 do Sở GTVT cấp ngày 20/12/2010.

Tên xe máy chuyên dùng: Máy đào bánh xích; Nhãn hiệu: HITACHI IS75F; Màu sơn: Cam; Công suất: 52PS; Nước sản xuất: Nhật; Số khung: 193-605; Số máy: 709520; Biển kiểm soát: 69XA-0274; Chủ sở hữu: Cty TNHH N; Giấy CNĐK xe máy chuyên dùng số 104 do Sở GTVT cấp ngày 20/12/2010.

- Ngày 20/9/2022, Ngân hàng với Công ty ký Hợp đồng cấp bảo lãnh số 22.099.001/2022-HĐCBLTL/NHCT860-CT TNHH NGA THUY và Hợp đồng 22.099.002/2022-HĐCBLTL/NHCT860-CT TNHH NGA THUY. Căn cứ thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 0860BG2200533 và thư bảo lãnh tiền tạm ứng số 0860BG2200534 phát hành ngày 21/9/2022. Do hiện tại Công ty không còn thực hiện Hợp đồng thi công Gói thầu số 61, trong lúc Gói thầu còn đang thi công dỡ dang chưa hoàn thành theo Công văn số 495/BQLDAGT ngày 08/9/2023 và Công văn 511/BQLDAGT ngày 14/9/2023 của Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông Cà Mau. Số tiền Công ty nhận nợ theo Thông báo nhận nợ bắt buộc số 01/TB-CNCM-KHDNVVN ngày 11/9/2023 là 5.309.696.798 đồng; Lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay sản xuất kinh doanh thông thường trong hạn kỳ hạn 1 ngày theo quy định của NHCT VN. Số tiền Công ty hiện còn dư nợ tại Ngân hàng tính đến ngày 04/4/2024 là 4.606.585.140 đồng (trong đó nợ gốc 4.261.796.798 đồng; nợ lãi trong hạn 227.421.492 đồng; lãi quá hạn 117.366.850 đồng).

- Ngày 17/01/2023 Ngân hàng với Công ty ký Hợp đồng cấp bảo lãnh số 23.NHALT4.015/2023-HĐCBLTL/NHCT860-CT TNHH NGA THUY, bảo hành xây dựng mặt đường bê tông cốt thép thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Nâng cấp tuyến đường từ cầu Thanh Tùng đến Trường Tiểu học Tân Điền, huyện Đầm Dơi, số tiền bảo lãnh 456.608.400 đồng, chủ đầu tư Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đầm Dơi.

- Ngày 24/5/2023 Ngân hàng với Công ty ký Hợp đồng cấp bảo lãnh số 23.NHALT4.023/2023-HĐCBLTL/NHCT860-CT TNHH NGA THUY bảo hành gói thầu số 04 Thi công xây dựng công trình Nhà làm việc Huyện ủy Năm Căn và các cơ quan Đoàn thể huyện, số tiền bảo lãnh 531.435.300 đồng, chủ đầu tư Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Năm Căn.

- Ngày 20/6/2023 ông Hoàng Ngọc T với Ngân hàng có ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích phục vụ tiêu dùng cá nhân. Quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt 21/6/2023 đến ngày 13/3/2024, dư nợ của ông Hoàng Ngọc T là 29.307.662 đồng (trong đó nợ gốc 28.733.002 đồng; Lãi trong hạn 574.660 đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng theo hợp đồng cho vay đã ký kết, không thể hiện thiện chí và sự hợp tác với Ngân hàng trong việc xử lý nợ quá hạn, mặc dù Ngân hàng đã rất nhiều

lần làm việc, động viên, đôn đốc Công ty giải quyết dứt điểm tình trạng nợ quá hạn, nhưng Công ty vẫn không thực hiện. Căn cứ điều khoản của Hợp đồng cho vay, Hợp đồng thế chấp tài sản và Hợp đồng cấp bảo lãnh, Ngân hàng yêu cầu:

+ Buộc Công ty thanh toán ngay cho Ngân hàng số tiền nợ vay tính đến ngày 04/4/2024 là 19.525.486.233 đồng. Trong đó nợ gốc 18.129.813.104 đồng; lãi trong hạn 1.116226.202 đồng; lãi quá hạn 279.446.927 đồng. Các khoản lãi, phí, chi phí khác còn tiếp tục phát sinh sau ngày tạm tính trên, theo lãi suất quá hạn quy định tại HĐCV, cho đến khi VietinBank Chi nhánh Cà Mau thu hồi hết toàn bộ khoản nợ.

+ Công ty TNHH N phải thanh toán ngay cho Ngân hàng số tiền cam kết bảo lãnh và các khoản phí, chi phí phát sinh (nếu có) khi Ngân hàng nhận được thông báo bằng văn bản của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu (Công ty TNHH N) đã vi phạm nghĩa vụ bảo hành. Công ty được xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán bảo lãnh khi hết thời hạn hiệu lực của bảo lãnh hoặc Ngân hàng nhận được văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về việc Nhà thầu (Công ty) đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, tùy theo điều kiện nào đến trước với số dư bảo lãnh của các hợp đồng cấp bảo lãnh là 988.043.700 đồng.

+ Trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ gốc và lãi thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

+ Buộc ông Hoàng Ngọc T phải thanh toán ngay cho Ngân hàng số tiền nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 13/3/2024 là 29.307.662 đồng. Trong đó nợ gốc 28.733.002 đồng; Lãi trong hạn 574.660 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày 13/3/2024 theo mức lãi suất Thẻ tín dụng ngày 20/6/2023.

**** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*** Công ty trách nhiệm hữu hạn N thừa nhận có vay và thế chấp các tài sản đúng như các hợp đồng vay, thế chấp mà Ngân hàng trình bày. Đối với số tiền nợ gốc tính đến ngày 04/4/2024 Công ty thừa nhận còn nợ và đồng ý thanh toán cho Ngân hàng TMCP CT số tiền 18.129.813.104 đồng. Đối với tiền lãi Công ty thừa nhận còn nợ Ngân hàng, trong đó lãi trong hạn 1.116.226.202 đồng; lãi quá hạn 279.446.927 đồng, Công ty yêu cầu Ngân hàng xem xét giảm miễn tiền lãi trong hạn, đối với lãi quá hạn Công ty yêu cầu Ngân hàng miễn cho Công ty vì hiện nay Công ty đang gặp khó khăn.

Đối với tài sản đảm bảo cho Ngân hàng theo các hợp đồng thế chấp, Công ty không có thế chấp tại tổ chức tín dụng nào khác. Đối với các động sản thế chấp là 11 phương tiện theo hợp đồng là những phương tiện vận tải, xe máy chuyên dụng phục vụ thi công công trình, do đã hết hạn sử dụng và hư hỏng, thất lạc, hiện nay chỉ còn một số khung xe, không còn nguyên vẹn, không còn giá trị sử dụng như biên bản xem xét thẩm định ngày 15/01/2024 ghi nhận, Công ty đồng ý xử lý hợp đồng thế chấp này để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Đối với bất động sản là tài sản của anh Huỳnh Vương Vũ và chị Hoàng Thị V nên Công ty không có ý kiến, trường hợp anh Vũ và chị V có ý kiến như thế nào thì Công ty thống nhất theo ý kiến của anh Vũ và chị V.

**** Quá trình giải quyết vụ án, anh Huỳnh Vương V trình bày:*** Anh V thừa nhận ngày 11/3/2010 anh Huỳnh Vương V và chị Hoàng Thu V1 có ký Hợp đồng

thế chấp tài sản với Ngân hàng để bảo đảm nghĩa vụ của bên thứ ba số 10.011.048/HĐBĐ ngày 11/3/2010 (công chứng 1514TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký GDBĐ ngày 12/3/2010 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm nghĩa vụ của bên thứ ba. Bên thế chấp: Anh Huỳnh Vương V và chị Hoàng Thu V1; Bên thứ ba – Bên vay vốn/bên được bảo lãnh: Công ty trách nhiệm hữu hạn N. Tài sản thế chấp là bất động sản nhà, đất gồm Quyền sử dụng đất (diện tích 138,3 m^2; đất ở) tại thửa đất số 53, TBĐ số 14 và nhà ở (diện tích sàn 116,48 m^2), địa chỉ: Trần Hưng Đạo, Phường 5, TP Cà Mau, Cà Mau (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP997352, số vào sổ cấp GCN H02865 UBND TP Cà Mau cấp ngày 09/11/2009). Do Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay đối với Ngân hàng, vì vậy anh Vũ đồng ý xử lý tài sản do anh V và chị V1 thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ cho Công ty, khi tài sản Công ty không đủ để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi thẩm tra các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, hợp đồng bão lãnh.

[2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc Công ty thanh toán ngay cho Ngân hàng số tiền nợ vay và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Từ tháng 8 năm 2022 đến tháng 9 năm 2023, Công ty trách nhiệm hữu hạn N (gọi tắt: Công ty) với Ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần CT (gọi tắt: Ngân hàng) có ký kết các hợp đồng tín dụng, cụ thể gồm:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 22.062.097/2022-HĐCVHM/NHCT860-CT TNHH N ngày 16/8/2022;

- Hợp đồng cho vay nguyên tắc số 22.NHALT4.011/2022-HĐCVNT/NHCT860-CT TNHH N ngày 30/12/2022; Số tiền cho vay, lãi suất và thời hạn cho vay được thể hiện tại 04 hợp đồng cho vay cụ thể:

+ Hợp đồng cho vay cụ thể số 22.NHALT4.010/2022-HĐCVCT/NHCT860-CT TNHH NGA THUY ngày 30/12/2022;

+ Hợp đồng cho vay cụ thể số 22.NHALT4.012/2023-HĐCVCT/NHCT860-CT TNHH NGA THUY ngày 08/3/2023;

+ Hợp đồng cho vay cụ thể số 23.NHALT4.019/2023-HĐCVCT/NHCT860-CT TNHH NGA THUY ngày 12/4/2023;

+ Hợp đồng cho vay cụ thể số 23.NHALT4.021/2023-HĐCVCT/NHCT860-CT TNHH NGA THUY ngày 12/5/2023.

[2.2] Ngày 20/9/2022 Ngân hàng còn ký Hợp đồng cấp bảo lãnh số 22.099.001/2022-HĐCBLTL/NHCT860-CT TNHH NGA THUY và Hợp đồng 22.099.002/2022-HĐCBLTL/NHCT860-CT TNHH NGA THUY với Công ty trách nhiệm hữu hạn N.

[2.3] Để đảm bảo các khoản vay, Công ty với Ngân hàng có ký kết các Hợp

đồng thế chấp tài sản, cụ thể gồm:

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 08380525/HĐBĐ ngày 16/10/2008 và Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/08380525/PLHĐBĐ ngày 01/9/2016;

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 10.011.142/HĐBĐ ngày 21/06/2010;

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 11.011.191/HĐBĐ ngày 29/06/2011;

+ Hợp đồng thế chấp động sản số 15.079.032/HĐBĐ ngày 15/4/2015;

[2.4] Ngoài ra ông Huỳnh Vương Vũ – bà Hoàng Thu V với Ngân hàng có ký Hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm nghĩa vụ của bên thứ ba số 10.011.048/HĐBĐ ngày 11/3/2010 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm nghĩa vụ của Công ty.

[2.5] Các bên tham gia ký kết các hợp đồng nêu tại các mục [2.1], [2.2], [2.3], [2.4] nêu trên là thực tế có thật, chủ thể tham gia ký kết các hợp đồng thực hiện đúng thẩm quyền, tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật. Vì vậy các hợp đồng nêu tại các mục [2.1], [2.2], [2.3], [2.4] nêu trên có giá trị pháp lý, được chấp nhận làm cơ sở xem xét giải quyết tranh chấp.

[2.6] Tại các hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp bảo lãnh, thể hiện Ngân hàng thương mại cổ phần CT cam kết cho Công ty trách nhiệm hữu hạn N vay tiền 19.309.696.798 đồng, mục đích sử dụng tiền vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay, lãi suất vay trong hạn, lãi suất quá hạn được quy định cụ thể tại các hợp đồng, đã được các bên thừa nhận.

[2.7] Căn cứ các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp bảo lãnh thể hiện tại mục [2.1], [2.2], căn cứ Giấy nhận nợ, Thông báo nhận nợ bắt buộc, căn cứ lời thừa nhận của đại diện Công ty trong quá trình giải quyết vụ án, có cơ sở kết luận tính đến hết ngày 04/4/2024 Công ty trách nhiệm hữu hạn N còn dư nợ Ngân hàng thương mại cổ phần CT số tiền 19.525.486.233 đồng. Trong đó nợ gốc 18.129.813.104 đồng; lãi trong hạn 1.116.226.202 đồng; lãi quá hạn 279.446.927 đồng. Tại phiên tòa Công ty yêu cầu Ngân hàng xem xét giảm miễn tiền lãi trong hạn, đối với lãi quá hạn Công ty yêu cầu Ngân hàng miễn cho Công ty vì hiện nay Công ty đang gặp khó khăn nhưng không được đại diện Ngân hàng chấp thuận. Do Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận quy định tại hợp đồng, vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty trả số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn như đã nêu trên và tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 04/4/2024 cho Ngân hàng theo mức lãi suất tại hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp bão lãnh đến khi Công ty trả hết nợ gốc cho Ngân hàng là phù hợp quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự và Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận.

[2.8] Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty ký 04 Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng, anh Huỳnh Vương V và chị Hoàng Thu V1 ký Hợp đồng thế chấp tài sản và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp với Ngân hàng. Các hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm nghĩa vụ cho Công ty được thể hiện tại mục [2.3], [2.4]. Như đã nhận xét đánh giá tại mục [2.5], chủ thể tham gia ký kết hợp đồng thực hiện đúng thẩm quyền, tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, qua xem xét thẩm định tài sản thế chấp ngày 15/01/2024,

các đương sự xác định các tài sản thế chấp là động sản vẫn do Công ty quản lý, tài sản thế chấp là bất động sản vẫn do anh V và chị V1 quản lý. Vì vậy Ngân hàng yêu cầu trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp thể hiện tại mục [2.3], [2.4] để thu hồi nợ cho Ngân hàng xét thấy là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.9] Anh Huỳnh Vương V trình bày, trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp của Công ty còn thiếu để thi hành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, anh V tự nguyện giao tài sản do anh V và chị V1 đã thế chấp để xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng, xét ý kiến của anh V là phù hợp quy định.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông Hoàng Ngọc T thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ thẻ tín dụng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 20/6/2023 ông Hoàng Ngọc T với Ngân hàng có ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 30.000.000 đồng, mục đích phục vụ tiêu dùng cá nhân là thực tế có thật. Căn cứ hợp đồng sử dụng thẻ, có căn cứ xác định từ ngày kích hoạt 21/6/2023 đến ngày 13/3/2024, ông Hoàng Ngọc T còn dư nợ Ngân hàng số tiền 29.307.663 đồng (trong đó nợ gốc 28.733.002 đồng; Lãi trong hạn 574.660 đồng). Tính đến ngày 04/4/2024 ông T không cung cấp chứng cứ nào thể hiện đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền trên, vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T có nghĩa vụ thanh toán số tiền 29.307.663 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn N phải thanh toán ngay cho Ngân hàng số tiền 988.043.700 đồng theo các hợp đồng cấp bảo lãnh. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Ngày 17/01/2023 Ngân hàng với Công ty có ký hợp đồng cấp bảo lãnh số 23.NHALT4.015/2023-HĐCBLTL/NHCT860-CT TNHH NGA THUY và Ngày 24/5/2023 Ngân hàng với Công ty có ký hợp đồng cấp bảo lãnh số 23.NHALT4.023/2023-HĐCBLTL/NHCT860-CT TNHH NGA THUY, là thực tế có thật.

[4.2] Theo hợp đồng cấp bảo lãnh số 23.NHALT4.015/2023-HĐCBLTL/NHCT860-CT TNHH NGA THUY, Ngân hàng bảo lãnh bảo hành cho nghĩa vụ của Công ty theo hợp đồng thi công xây dựng công trình số 10/2021/HĐXD ngày 22/4/2021 và các phụ lục sửa đổi, bổ sung, do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đầm Dơi làm chủ đầu tư, số tiền bảo lãnh là 456.608.400 đồng. Theo hợp đồng cấp bảo lãnh số 23.NHALT4.023/2023-HĐCBLTL/NHCT860-CT TNHH NGA THUY, Ngân hàng bảo lãnh bảo hành cho nghĩa vụ của Công ty theo hợp đồng thi công số 41/2021/HĐXD ngày 01/12/2021 và phụ lục hợp đồng, do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Năm Căn làm chủ đầu tư, số tiền bảo lãnh là 531.435.300 đồng.

[4.3] Căn cứ Điều 2 mục 2.06 của các Hợp đồng cấp bảo lãnh, thời hạn hiệu lực của bảo lãnh theo Hợp đồng cấp bảo lãnh số 23.NHALT4.015/2023-HĐCBLTL/NHCT860-CT TNHH NGA THUY kể từ ngày 17/01/2023 đến hết ngày 23/12/2024. Thời hạn hiệu lực của bảo lãnh theo Hợp đồng cấp bảo lãnh số 23.NHALT4.023/2023-HĐCBLTL/NHCT860-CT TNHH NGA THUY kể từ ngày 24/5/2023 đến hết ngày 22/8/2024.

[4.4] Quá trình thực hiện hợp đồng thi công xây dựng công trình số 10/2021/HĐXD ngày 22/4/2021 và các phụ lục sửa đổi, bổ sung. Cũng như quá trình thực hiện hợp đồng thi công số 41/2021/HĐXD ngày 01/12/2021 và phụ lục hợp đồng. Ngân hàng không nhận được văn bản thông báo của chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đầm Dơi và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Năm Căn về việc Công ty vi phạm nghĩa vụ bảo hành. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, Ngân hàng chưa chứng minh được Công ty có vi phạm nghĩa vụ bảo hành theo các hợp đồng đã ký, chưa phát sinh giao dịch buộc Công ty nhận nợ bắt buộc, quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng chưa bị xâm phạm, vì vậy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn N phải thanh toán ngay cho Ngân hàng số tiền 988.043.700 đồng theo các hợp đồng cấp bảo lãnh, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tại vụ án này.

[5] Từ những phân tích đánh giá trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[6] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, nên án phí kinh doanh thương mại Ngân hàng không phải chịu, Công ty trách nhiệm hữu hạn N phải chịu án phí theo quy định.

[7] Ông Hoàng Ngọc T là người cao tuổi nên được miễn chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 317, 320, 335, 342, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Các Điều 91, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần CT.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn N thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần CT số tiền còn dư nợ tính đến hết ngày 04/4/2024 là 19.525.486.233 đồng (Trong đó nợ gốc 18.129.813.104 đồng; lãi trong hạn 1.116.226.202 đồng; lãi quá hạn 279.446.927 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 04/4/2024, Công ty trách nhiệm hữu hạn N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ vốn chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vốn này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay quy định thì lãi suất mà Công ty trách nhiệm hữu hạn N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần CT theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn N không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần CT có quyền yêu cầu xử lý các tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp tài sản gồm:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 08380525/HĐBĐ ngày 16/10/2008 và Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/08380525/PLHĐBĐ ngày 01/9/2016, tài sản thế chấp gồm:

+ Loại xe: Xe ô tô tải; Nhãn hiệu: JAC; Màu sơn: Trắng; Số khung: BBC161210011; Số máy: 102Q06062388; Biển kiểm soát: 69C-028.54; Chủ sở hữu: Cty TNHH N; CNĐK xe ô tô số 004768 do Phòng CSGT CA tỉnh Cà Mau cấp ngày 22/8/2016.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 10.011.142/HĐBĐ ngày 21/06/2010, tài sản thế chấp gồm:

+ Tên xe máy chuyên dùng: Xe cần cẩu bánh lốp; Nhãn hiệu: TADANO; Màu sơn: Vàng; Số khung: 6BB1-230134; Số máy: FD161B-11220; Biển kiểm soát: 69LA-0054; Chủ sở hữu: Cty TNHH N; Giấy CNĐK xe máy chuyên dùng số 00011/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau cấp ngày 07/5/2010.

+ Tên xe máy chuyên dùng: Xe cần cẩu bánh lốp; Nhãn hiệu: KATO NK70-3; Màu sơn: Vàng; Số khung: ED6-051006; Số máy: CM90C-35329; Biển kiểm soát: 69LA-0052; Chủ sở hữu: Cty TNHH N; Giấy CNĐK xe máy chuyên dùng số 00009/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau cấp ngày 07/5/2010.

+ Tên xe máy chuyên dùng: Máy đào bánh lốp; Nhãn hiệu: DAEWOO; Màu sơn: Vàng; Số khung: SOLAR120W-1211; Số máy: 6BB1-100092; Biển kiểm soát: 69LA-0053; Chủ sở hữu: Cty TNHH N; Giấy CNĐK xe máy chuyên dùng số 00010/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau cấp ngày 07/5/2010.

+ Tên xe máy chuyên dùng: Máy đào bánh xích; Nhãn hiệu: THI IS190-5; Màu sơn: Cam; Số khung: 1176185; Số máy: 6BD1-575187; Biển kiểm soát: 69XA-0220; Chủ sở hữu: Cty TNHH N; Giấy CNĐK xe máy chuyên dùng số 00048/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Cà Mau cấp ngày 07/5/2010.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 11.011.191/HĐBĐ ngày 29/06/2011, tài sản thế chấp gồm:

+ Tên xe máy chuyên dùng: Cần trục bánh lốp; Nhãn hiệu: P&S T200; Màu sơn: Cam; Công suất: 227HP; Nước sản xuất: Nhật; Số khung: KW30M-01174; Số máy: PE6-013570; Biển kiểm soát: 69LA-0059; Chủ sở hữu: Cty TNHH N; Giấy CNĐK xe máy chuyên dùng số 16 do Sở GTVT cấp ngày 20/12/2010.

+ Loại xe: Tải ben; Nhãn hiệu: HYUNDAI; Màu sơn: Trắng; Số khung: 18CPBC050066; Số máy: D6ACA 196955; Biển kiểm soát: 69C-000.33; Chủ sở hữu: Cty TNHH N; CNĐK xe ô tô số 000044 do Phòng CSGT CA tỉnh Cà Mau cấp ngày 23/3/2011.

+ Loại xe: Tải gắn cẩu; Nhãn hiệu: HINO; Màu sơn: Trắng; Số khung: 8JTS9XX12883; Số máy: J08E-UF12523; Biển kiểm soát: 69L-7227; Chủ sở hữu: Cty TNHH N. Giấy ĐK xe ô tô số 0006633 do Phòng CSGT CA tỉnh Cà Mau cấp ngày 27/11/2010

- Hợp đồng thế chấp động sản số 15.079.032/HĐBĐ ngày 15/4/2015, tài sản thế chấp gồm:

+ Tên xe máy chuyên dùng: Máy đào bánh xích; Nhãn hiệu: HITACHI UH07-5; Màu sơn: Vàng; Công suất: 104HP; Nước sản xuất: Nhật; Số khung: 164-

17060; Số máy: EL100-19959; Biển kiểm soát: 69XA-0272; Chủ sở hữu: Cty TNHH N; Giấy CNĐK xe máy chuyên dùng số 102 do Sở GTVT cấp ngày 20/12/2010.

+ Tên xe máy chuyên dùng: Máy ủi bánh xích; Nhãn hiệu: KOMATSU D20P-6; Màu sơn: Vàng; Công suất: 40HP; Nước sản xuất: Nhật; Số khung: D206-70897; Số máy: W-109685; Biển kiểm soát: 69XA-0273; Chủ sở hữu: Cty TNHH N; Giấy CNĐK xe máy chuyên dùng số 103 do Sở GTVT cấp ngày 20/12/2010.

+ Tên xe máy chuyên dùng: Máy đào bánh xích; Nhãn hiệu: HITACHI IS75F; Màu sơn: Cam; Công suất: 52PS; Nước sản xuất: Nhật; Số khung: 193-605; Số máy: 709520; Biển kiểm soát: 69XA-0274; Chủ sở hữu: Cty TNHH N; Giấy CNĐK xe máy chuyên dùng số 104 do Sở GTVT cấp ngày 20/12/2010.

- Trường hợp xử lý các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp tài sản của Công ty trách nhiệm hữu hạn N không đủ thanh toán nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần CT thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý Hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm nghĩa vụ của bên thứ ba số 10.011.048/HĐBĐ ngày 11/3/2010 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm nghĩa vụ của Công ty, tài sản thế chấp gồm:

+ Tài sản thế chấp là bất động sản nhà, đất gồm Quyền sử dụng đất (diện tích 138,3 m^2; đất ở) tại thửa đất số 53, TBĐ số 14 và nhà ở (diện tích sàn 116,48 m^2), địa chỉ: Trần Hưng Đạo, Phường 5, TP Cà Mau, Cà Mau (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP997352, số vào sổ cấp GCN H02865 UBND TP Cà Mau cấp ngày 09/11/2009).

Buộc ông Hoàng Ngọc T thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần CT số tiền 29.307.662 đồng (Trong đó nợ gốc 28.733.002 đồng; Lãi trong hạn 574.660 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày 13/3/2024 theo mức lãi suất Thẻ tín dụng ngày 20/6/2023.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần CT về việc buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn N phải thanh toán ngay cho Ngân hàng số tiền 988.043.700 đồng theo Hợp đồng cấp bảo lãnh số 23.NHALT4.015/2023-HĐCBLTL/NHCT860-CT TNHH NGA THUY ngày 17/01/2023 và Hợp đồng cấp bảo lãnh số 23.NHALT4.023/2023-HĐCBLTL/NHCT860-CT TNHH NGA THUY ngày 24/5/2023 không xem xét giải quyết.

Án phí kinh doanh thương mại: Ngân hàng thương mại cổ phần CT không phải chịu, ngày 14/11/2023 Ngân hàng đã nộp 63.294.000 đồng (sáu mươi ba triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0007608 nên được nhận lại.

Công ty trách nhiệm hữu hạn N phải chịu án phí 127.525.000 đồng (một trăm hai mươi bảy triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ông Hoàng Ngọc T được miễn chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Phạm Việt Trung